

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2017/HSST

Ngày 22/9/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Kim Quy và ông Phạm Thế Chiến.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2017/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2017
đối với bị cáo:

Ngô Văn T (Tên gọi khác: T M), sinh ngày 11/11/1989 tại huyện C, tỉnh Đắk
Lắk;

Nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Không xác định.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12;

Con ông Ngô S và bà Nguyễn Thị V (Đều đã chết). Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 02 tiền án. Ngày 06/5/2008 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk
Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 28/2008/HSST,
ngày 03/11/2008 chấp hành xong hình phạt. Ngày 09/3/2011 bị Tòa án nhân dân
thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại
bản án số 74/2011/HSST, bị cáo kháng cáo, ngày 13/5/2011 Tòa án nhân dân tỉnh
Đắk Lắk xét xử phúc thẩm, xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”
tại bản án số 128/2011/HSPT; ngày 11/12/2014 chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt
tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Anh Trần Minh Q, sinh năm 1996, có mặt.

Trú tại: thôn H, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Bình L, sinh năm 1994, có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Buôn K, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2. Ông Võ Văn T, sinh năm 1970, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: thôn H1, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Võ Đình D, sinh năm 1996, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: thôn H1, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn T1, sinh năm 1995, vắng mặt.

Trú tại: Đội Y, thôn H, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Võ Hiếu L1, sinh năm 1983, vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố M, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Đặng Văn T2, sinh năm 1996, vắng mặt.

Trú tại: thôn H, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh Lê Viết Q, sinh năm 1994, vắng mặt.

Trú tại: Thôn A, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Anh Phan Hữu T3, sinh năm 1996, vắng mặt.

Trú tại: Thôn A, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1992, vắng mặt.

Trú tại: Thôn H, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

7. Anh Phan Thanh D1, sinh năm 1992, vắng mặt.

Trú tại: Thôn H, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY

Bị cáo Ngô Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trưa ngày 29/10/2016, nhà anh Phan Thanh D1 ở thôn H, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có tổ chức đám cưới nên anh Phan Thanh D1 có mời Ngô Văn T, ông Võ Văn T, Võ Đình D, Trần Văn T1, Trần Bình L, Trần Minh Q, Lê Viết Q, Đặng Văn T2, Võ Hiếu L1, Nguyễn Công N (Trong đó T2, L1 và N là những người đánh nhạc đám cưới) và một số người thân, quen trong gia đình, hàng xóm cùng tham dự đám cưới. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khách dự tiệc ra về gần hết, còn một số thanh niên ở lại chơi và lên khu vực gần sân khấu của đám cưới nhảy và hát trong đó có Ngô Văn T, Trần Minh Q, Trần Bình L, Trần Văn T1, Lê Viết Q, Võ Đình D, ông Võ Văn T và một số thanh niên (không xác định được nhân thân lai lịch) tham gia nhảy và hát. Trong lúc đang nhảy, hát thì Q tranh giành micrô với một thanh niên (không xác định được nhân thân, lai lịch) và xảy ra cãi nhau. Thấy vậy, T đi lại can ngăn thì giữa T và Q xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Lúc này, Võ Đình D thấy Q cãi nhau trong đám cưới của gia đình (cậu họ) nên D đến và nói với Q “*mày đừng có gây sự trong đám cưới của cậu tao*” thì Q trả lời “*dòng họ mày dám chơi với dòng họ tao không mà dám đòi đánh nhau*”, nghe vậy D không nói gì mà bỏ đi ra phía trước cổng đám cưới để đưa khách về, D vừa đi thì Q dùng tay nắm một cái trứng vào người T nhưng không gây thương tích thì được L và một số người trong đám cưới can ngăn nên Q về lại bàn cạnh sân khấu ngồi. Do bức tức bị Q đánh nên T đi lại chỗ thùng đựng vỏ chai bia ở gần sân khấu, thấy một cái kéo (có đặc điểm dài khoảng 20cm, lưỡi bằng kim loại, cán bọc bằng nhựa màu đỏ) dùng để cắt đồ

ăn trong tiệc đám cưới, để trên thùng bia nên T cầm kéo rồi đi lại chỗ Q đang ngồi, dùng kéo đâm 02 nhát trúng vào vùng lưng, vai của Q gây thương tích thì được mọi người can ngăn. Lúc này Võ Đình D đang đứng ở cổng đám cưới thấy Q đang gây sự với một số người trong đám cưới và bức tức việc bị Q thách đánh nhau nên Võ Đình D đã cầm một vỏ chai bia bằng thủy tinh đi đến đánh một phát trúng vào đầu Q, làm Q ngã xuống đất thì có Trần Văn T1 và Đặng Văn T2 vào can ngăn nên D bỏ đi vào trong nhà. Trong lúc can ngăn thì Trần Văn T1 và T2 bị người trong đám cưới (không xác định được nhân thân lai lịch) đánh, nhưng không gây thương tích. Cùng lúc này L vừa đi vệ sinh quay lại thấy Q bị đánh nên chạy đến thì bị ông Võ Văn T cầm chai bia bằng thủy tinh đánh một phát trúng vào vùng mặt gây thương tích, được mọi người can ngăn, ông T bỏ đi. Sau khi bị đánh Q và L được đưa đến bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk cấp cứu và điều trị. Còn Ngô Văn T sau khi gây thương tích cho Q đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 62 ngày 19/12/2016 của Trung tâm giám định Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Trần Minh Q bị vết thương vùng lưng, vai tràn khí, tràn dịch màng phổi phải, tỷ lệ thương tích 20%. Vật tác động: Sắc nhọn.

Đa thương vùng đầu 10%, cộng lùì 8%. Vật tác động: Cứng có cạnh.

Tổng thương tích 28%.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 63 ngày 19/12/2016 của Trung tâm giám định Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Trần Bình L bị thương tích môi-mày, mắt 03 răng, tỷ lệ thương tích 10%. Vật tác động: cứng tày.

Tại phiên tòa bị cáo Ngô Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố: Ngày 29/10/2016 bị cáo đã dùng một cái kéo (có đặc điểm dài khoảng 20cm, lưỡi bằng kim loại, cán bọc bằng nhựa màu đỏ) đâm 02 nhát trúng vào vùng lưng, vai của Trần Minh Q gây thương tích vết thương vùng lưng, vai tràn khí, tràn dịch màng phổi phải, tỷ lệ thương tích 20%.

Người bị hại anh Trần Minh Q khai: Ngày 29/10/2016 anh bị bị cáo Ngô Văn T dùng một cái kéo đâm 02 nhát trúng vào vùng lưng, vai gây thương tích cho anh vết thương vùng lưng, vai tràn khí, tràn dịch màng phổi phải, tỷ lệ thương tích 20%. Gia đình bị cáo đã bồi thường chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần và bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho anh số tiền 20.000.000đ, anh không có yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Ngoài ra, anh Q còn bị Võ Đình D cầm vỏ chai bia đánh trúng đầu gây thương tích 8%; Anh D và gia đình đã bồi thường cho anh số tiền 15.000.000đ. Anh Q không yêu cầu bồi thường gì thêm và tự nguyện làm đơn xin bãi nại, đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với Võ Đình D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Ngô Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc đĩa nhựa màu trắng bị vỡ, các mảnh vỡ của chai thủy tinh là vật chứng của vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các Điều 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận ông Võ Văn T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường các khoản tiền điều trị thương tích cho anh Trần Bình L, tổng số tiền 12.000.000đ.

Chấp nhận anh Trần Bình L đã tự nguyện làm đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự đối với ông Võ Văn T và không yêu cầu ông Võ Văn T phải bồi thường thêm một khoản tiền nào khác.

Chấp nhận việc Võ Đình D đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh Trần Minh Q, số tiền 15.000.000đ và gia đình bị cáo Ngô Văn T đã tự nguyện bồi thường các khoản tiền chi phí điều trị thương tích cho bị hại anh Trần Minh Q, tổng số tiền 20.000.000đ.

Chấp nhận bị hại anh Trần Minh Q đã tự nguyện làm đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Võ Đình D và không yêu cầu Võ Đình D, bị cáo Ngô Văn T phải bồi thường thêm một khoản tiền nào khác.

Bị cáo không tham gia tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Trưa ngày 29/10/2016, bị cáo Ngô Văn T đã dùng một cái kéo (có đặc điểm dài khoảng 20cm, lưỡi bằng kim loại, cán bọc bằng nhựa màu đỏ) đâm 02 nhát trúng vào vùng lưng, vai của anh Trần Minh Q gây thương tích vết thương vùng lưng, vai tràn khí, tràn dịch màng phổi phải, tỷ lệ thương tích 20%.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tại phiên tòa truy tố đối với bị cáo là có cơ sở, phù hợp với pháp luật.

Hành vi trên của bị cáo Ngô Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự.

Điều 104 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30 % hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm;

.....
i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;

.....
2. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31 % đến 60% hoặc từ 11% đến 30 %, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của anh Trần Minh Q, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người hoàn toàn bình thường về trí lực, buộc phải biết sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, bị cáo đã dùng kéo là “Hung khí nguy hiểm” gây thương tích cho anh Q với tỷ lệ thương tật 20%.

Bị cáo có 02 tiền án: Ngày 06/5/2008 Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 28/2008/HSST, ngày 03/11/2008 chấp hành xong hình phạt. Ngày 09/3/2011 Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 74/2011/HSST, bị cáo kháng cáo, ngày 13/5/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm, xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 128/2011/HSPT; ngày 11/12/2014 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để học tập, rèn luyện để trở thành công dân tốt mà tiếp tục phạm tội nên bị cáo phạm tội với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm”.

Do bị cáo phạm tội với các tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm”, “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự và anh Q bị thương tích 20% nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại; bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị hại cũng có một phần lỗi. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại luật số 12/2017/QH14 có khung hình phạt nhẹ hơn khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Cần áp dụng nguyên tắc có lợi quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khi lượng hình đối với bị cáo.

Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm

.....
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a)

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Ngoài ra, trong vụ án này người bị hại Trần Minh Q còn bị đa thương vùng đầu 10%, cộng lùi 8%. Vật tác động: Cứng có cạnh. Quá trình điều tra xác định là do Võ Đình D là người cầm vỏ chai bia đánh trúng vào đầu anh Trần Minh Q gây thương tích. Khi bị cáo dùng kéo đâm gây thương tích cho anh Trần Minh Q thì Võ Đình D không thấy, không biết. Việc bị cáo dùng kéo đâm anh Q gây thương tích là ngoài ý muốn của Võ Đình D. Võ Đình D không hô hào, kích động, xúi giục bị cáo đánh anh Q. Đồng thời việc Võ Đình D dùng vỏ chai bia đánh anh Q thì bị cáo không thấy, không biết, việc D đánh gây thương tích cho anh Q là ngoài ý muốn của bị cáo. Bị cáo không hô hào, kích động, xúi giục anh D đánh anh Q. Do đó hành vi của bị cáo và Võ Đình D là bộc phát, độc lập nên không có đồng phạm. Sau khi sự việc xảy ra, Võ Đình D đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần và bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho anh Trần Minh Q số tiền 15.000.000đ. Quá trình điều tra, anh Trần Minh Q có đơn không yêu cầu khởi tố, đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với Võ Đình D, do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana không đề cập xử lý hình sự đối với Võ Đình D, ra quyết định xử lý hành chính về hành vi đánh nhau là phù hợp.

Đối với ông Võ Văn T là người dùng vỏ chai bia đánh gây thương tích cho anh Trần Bình L bị thương tích môi-mày, mất 03 răng, tỷ lệ thương tích 10%. Vật tác động: cứng tày, không có ai hô hào, xúi giục hay kích động để ông T đánh anh L. Quá trình điều tra, ông Võ Văn T và anh Trần Bình L đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường các khoản tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, điều trị thương tích và tổn thất tinh thần cho anh Trần Bình L, tổng số tiền 12.000.000đ. Anh Trần Bình L đã tự nguyện làm đơn xin bãi nại, đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với ông Võ Văn T, do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana không đề cập xử lý hình sự đối với ông Võ Văn T, ra quyết định xử lý hành chính về hành vi đánh nhau là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự 2015.

Xét thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa gia đình bị cáo và người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật cần công nhận gồm các khoản như sau:

Chi phí điều trị thương tích, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tổn thất tinh thần cho người bị hại anh Trần Minh Q: Gia đình bị cáo Ngô Văn T đã bồi thường số tiền 20.000.000đ. Võ Đình D đã bồi thường số tiền 15.000.000đ.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Đối với 01 chiếc đĩa nhựa màu trắng bị vỡ, các mảnh vỡ của chai thủy tinh là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 cái kéo có đặc điểm dài khoảng 20cm, lưỡi bằng kim loại, cán bọc bằng nhựa màu đỏ là vật chứng của vụ án, quá trình điều tra Cơ quan Điều tra Công an huyện Krông Ana không thu giữ được, nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- **Tuyên bố:** Bị cáo Ngô Văn T (Tên gọi khác: T M) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại luật số 12/2017/QH14.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T (Tên gọi khác: T M) 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/5/2017.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa gia đình bị cáo và người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận và đã bồi thường các chi phí điều trị thương tích, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tổn thất tinh thần cho người bị hại anh Trần Minh Q số tiền 20.000.000 đồng; anh Võ Đình D và anh Trần Minh Q đã tự nguyện thỏa thuận và đã bồi thường các chi phí điều trị thương tích, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tổn thất tinh thần cho anh Trần Minh Q số tiền 15.000.000đ.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc đĩa nhựa màu trắng bị vỡ, các mảnh vỡ của chai thủy tinh.

(Các vật chứng nêu trên, đặc điểm có trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/9/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Ngô Văn T phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện; tỉnh;
- CA huyện;
- THAHS; THADS;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đại Minh